ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1507 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 18 tháng 06 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

Căn cứ các Quyết định công bố TTHC của Bộ Nội vụ số: 53/QĐ-BNV ngày 15/01/2020, 1065/QĐ-BNV ngày 10/12/2020, 1066/QĐ-BNV ngày 10/12/2020, 1067/QĐ-BNV ngày 10/12/2020, 1068/QĐ-BNV ngày 10/12/2020, 1109/QĐ-BNV ngày 21/12/2020, 1121/QĐ-BNV ngày 24/12/2020, 14/QĐ-BNV ngày 06/01/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 410/TTr-SNV ngày 17/5/2021 và Công văn số 952/SNV-VP ngày 28/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

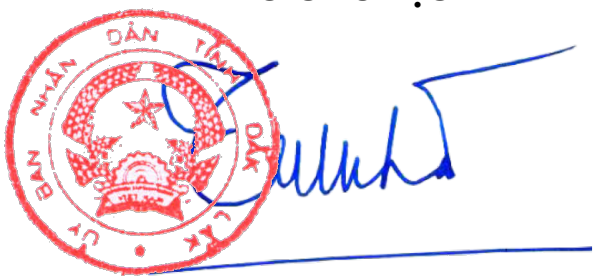
Điều 1. Công bố Danh mục TTHC mới ban hành, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện. Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các TTHC hoặc các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn thông Đắk Lắk, Bưu điện tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng, TT: TH, HCTC, PVHCC;
- Lưu: VT, KSTTHC (HLy 3).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hà

Số: 1507/QĐ-UBND
Thời gian ký: 18/06/2021 16:09:41 +07:00

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
LĨNH VỰC TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ								
01	Thẩm định đề án vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ.	2		
02	Thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
03	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ.	4	x	x
04	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x
05	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
06	Thẩm định đề án vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.	2		
07	Thẩm định điều chỉnh vị trí việc làm thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2		
08	Thẩm định số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Không		Không		4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
09	Thẩm định điều chỉnh số lượng người làm việc thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không		4	x	x

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
LĨNH VỰC TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ								
01	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ.	2		
02	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2		
03	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2		

Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ, CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I. LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG (*đã công bố tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)*								
	Thẩm định thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	2	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
II. LĨNH VỰC TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ (*đã công bố tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)*								
01	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.	4	x	x
02	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x
03	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
III. LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ (*đã công bố tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)*								
01	Cấp Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	4	x	x
02	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x
03	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
04	Thay đổi Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	4	x	x
05	Cấp lại Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x
06	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
07	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BNV ngày 13/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.	4	x	x
08	Đổi tên quỹ	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x
09	Tự giải thể quỹ	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
VI. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC								
1. Lĩnh vực công chức (*đã công bố tại Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*								
01	Thi tuyển công chức	Trong thời hạn 230 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1. Phí dự thi tuyển công chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh /lần dự thi; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh /lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh	- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ	2	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				/lần dự thi. 2. Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.	trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
02	Xét tuyển công chức	Trong thời hạn 150 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1. Phí dự thi tuyển công chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh /lần dự thi; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh /lần dự thi;	- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;	3	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				- Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh /lần dự thi. 2. Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.	- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
03	Thi nâng ngạch công chức	Trong thời hạn 50 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	1. Nâng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương: - Dưới 50 thí sinh: 1.400.000 đồng/thí sinh /lần dự thi; - Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí sinh /lần dự thi; - Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000 đồng/thí sinh /lần dự thi. 2. Nâng ngạch chuyên viên,	- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;	2	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				chuyên viên chính và tương đương: - Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh /lần dự thi; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh /lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 đồng/thí sinh /lần dự thi. 3. Phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.	- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
2. Lĩnh vực công chức (*Đã công bố tại Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*								
	Tiếp nhận vào làm công chức	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không quy định	- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;	2	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
					- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Thông tư số 13/2018/TT-BNV ngày 19/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CẤP HUYỆN

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I. LĨNH VỰC VIÊN CHỨC (*Đã công bố tại Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*								
01	Thi tuyển viên chức	Trong thời hạn 170 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1. Đối với các sở, ngành: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk. 2. Đối với UBND cấp huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện.	Phí dự tuyển dụng viên chức: - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh/lần dự thi; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh /lần dự thi; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh/lần dự thi.	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	2	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
02	Xét tuyển viên chức	Trong thời hạn 100 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1. Đối với các sở, ngành: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk. 2. Đối với UBND cấp huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện.	Không quy định	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.	2	x	x
03	Tiếp nhận vào làm viên chức	Trong thời hạn 100 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không quy định		2	x	x
04	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Trong thời hạn 16 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1. Đối với các sở, ngành: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk.	1. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I: - Dưới 50 thí sinh: 1.400.000 đồng/thí sinh/lần;	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày	2	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
			2. Đối với UBND cấp huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện.	- Từ 50 đến dưới 100 thí sinh: 1.300.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 100 thí sinh trở lên: 1.200.000 đồng/thí sinh/lần. 2. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III: - Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng /thí sinh/lần; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần; - Từ 500 thí sinh trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần.	25/11/2019. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí *(nếu có)*	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				3. Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.				
II. LĨNH VỰC TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ (*Đã công bố tại Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)*								
01	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.	2		
02	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2		
03	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2		